



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Thời gian: 07h30, Thứ 7, Ngày 20 tháng 04 năm 2019.

Địa điểm: Hội trường Công ty – 498 Nguyễn Thái Học, TP Quy Nhơn, Bình Định

TT	NỘI DUNG	Thực hiện
A	THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI	
1.	Đón tiếp đại biểu, cổ đông Đăng ký cổ đông và phát tài liệu	Ban tổ chức
2.	Chào cờ - Tuyên bố lý do - Giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
3.	Công bố Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông	Ban tổ chức
4.	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội	Ban thẩm tra
5.	Giới thiệu và thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội	Ban tổ chức
6.	Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tọa; Ban Thư ký; Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức
B	NỘI DUNG ĐẠI HỘI	
1.	Báo cáo của Hội đồng quản trị - Ban Giám đốc Đánh giá kết quả hoạt động Công ty năm 2018; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;	Đoàn chủ tọa
2.	Trình bày các tờ trình: ♦ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018; ♦ Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch năm 2019; ♦ Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;	Đoàn chủ tọa
3.	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018.	Ban kiểm soát
4.	♦ Thay đổi cơ cấu quản trị từ mô hình Ban kiểm soát sang mô hình Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;	Đoàn chủ tọa
5.	Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024: ♦ Tờ trình bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024; ♦ Ban Kiểm phiếu thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị; ♦ Cổ đông tiến hành bầu cử.	Đoàn chủ tọa Ban kiểm phiếu
6.	Trình bày các tờ trình: ♦ Dự thảo sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty; ♦ Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.	Đoàn chủ tọa
7.	Đại hội thảo luận các vấn đề có liên quan	Đoàn chủ tọa
8.	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung	
9.	Phát biểu của đại biểu, khách mời (nếu có)	Đoàn chủ tọa
10.	Công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024	Ban kiểm phiếu
11.	♦ Thành viên HĐQT mới ra mắt Đại hội ♦ Tặng hoa, quà lưu niệm cho các thành viên HĐQT không tiếp tục tham gia	Ban tổ chức
12.	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội
C	BẾ MẠC ĐẠI HỘI	Ban tổ chức



GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi : Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định

A. BÊN ỦY QUYỀN

Tên cá nhân/tổ chức:..... Mã cổ đông:.....
CMND/GCNDKKD số:..... Cấp ngày: tại:
Địa chỉ:.....
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu (*):.....
(Bằng chữ:)

B. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

Tên cá nhân:.....
CMND/GCNDKKD số:..... Cấp ngày: tại:
Địa chỉ:.....
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:.....
(Bằng chữ:)

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên nhận ủy quyền có toàn quyền thay mặt Bên ủy quyền tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ công ty Bidiphar.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc Đại hội.

....., ngày ... tháng ... năm 2019

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên/nếu tổ chức có đóng dấu)

Số: 749 /BC-HĐQT-ĐHCD2019

Bình Định, ngày 08 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018;
Phương án kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019 - 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thành lập ngày 14/04/2018;

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2014-2019) của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 về: Hoạt động của HĐQT năm 2018, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty năm 2018, Kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2019, với những nội dung chính như sau:



PHẦN I BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

1. Đánh giá thực trạng

1.1. Thuận lợi

Là doanh nghiệp sản xuất có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước nên tạo được thế chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng bộ hóa công tác quản lý từ khâu sản xuất đến phân phối.

Việc tiên phong ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật giúp Bidiphar tạo được một số dòng sản phẩm mang lại lợi thế cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành; là cơ sở để phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Triển khai ứng dụng thành công hệ thống SAP-ERP, DMS mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng đối với Công ty, mở ra một phương pháp quản trị hệ thống một cách khoa học và phù hợp thông lệ quốc tế, mang lại hiệu quả cao trong việc cung cấp thông tin quản lý với chi phí được tiết kiệm tối ưu nhất.

Trong nhiều năm Bidiphar luôn đứng trong Top 10 doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực kinh doanh dược phẩm, là minh chứng cho sự tin tưởng của khách hàng đối với thương hiệu Bidiphar.

Đối với các hoạt động trong tỉnh công ty cũng được sự quan tâm của Lãnh đạo Tỉnh cùng các Sở ngành đã tạo điều kiện hỗ trợ thường xuyên, kịp thời cho các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Khó khăn

Thị trường dược phẩm trong nước đang thể hiện tính cạnh tranh khốc liệt và ngày càng khó khăn hơn, các yếu tố giá thành sản phẩm (giá mua nguyên liệu nhập khẩu), chi phí đầu tư nhà máy, chi phí vận chuyển đến các trung tâm lớn... sẽ làm giảm tính cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.

Các chính sách nhà nước nhất là chính sách đấu thầu thuốc vào cơ sở điều trị vẫn chưa hoàn thiện và thường xuyên thay đổi. Hiện thông tư dự thảo thay thế thông tư đấu thầu đã qua nhiều lần lấy ý kiến nhưng vẫn chưa được ban hành. Thông tư về đăng ký thuốc cũng vẫn trong giai đoạn chỉnh sửa trước khi ban hành...

Quy định GMP về đăng ký thuốc và kiểm soát thay đổi cũng được quy định chặt chẽ hơn đối với bất kỳ sự thay đổi nào về nhà sản xuất nguyên vật liệu, thiết bị, quy trình... việc này tạo ra khối lượng công việc rất lớn và tốn nhiều thời gian.

Theo yêu cầu về quản lý chất lượng, doanh nghiệp phải tự cập nhật các quy định GPs, các tiêu chuẩn được diễn phiên bản mới nhất. Hầu hết các phiên bản, tiêu chuẩn cập nhật đều đòi hỏi phải tăng tần số và quy mô thẩm định; tăng kiểm soát trong suốt quá trình tạo sản phẩm (hướng tới kiểm soát online 100% sản phẩm), tăng kiểm soát tạp chất liên quan, bổ sung thêm nhiều chỉ tiêu chất lượng... do vậy chi phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát chất lượng cũng ngày càng lớn.

Việc triển khai chủ trương nối mạng tất cả các cơ sở bán lẻ, bán buôn thuốc, đòi hỏi hoạt động cung ứng thuốc phải có các bước thay đổi về phương thức để phù hợp nhu cầu thị trường và yêu cầu từ cơ quan quản lý.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Trong năm 2018, HĐQT đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện đầy đủ các nội Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 đã biểu quyết thông qua.

2.1. Kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018: Doanh thu đạt 92%; Lợi nhuận đạt 96% so với kế hoạch đề ra.

Tạm ứng cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 15% vốn điều lệ.

Đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

Thực hiện niêm yết cổ phiếu Bidiphar (DBD) chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE Ngày 15/06/2018. Điều này khẳng định Công ty cam kết đáp ứng các tiêu chuẩn theo qui định về thị trường tài chính, thông tin chính xác, tăng cường hệ thống

quản trị công ty và sự minh bạch trong hoạt động nhằm đem lại những giá trị tốt nhất cho các cổ đông.

Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm bidiphar công nghệ cao giai đoạn 1: Xây dựng mới nhà máy công nghệ cao sản xuất thuốc điều trị ung thư (bao gồm dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư dạng thuốc tiêm và tiêm đông khô). Hiện tại, đang trong quá trình hoàn thiện và lắp đặt thiết bị. Dự kiến nhà máy sẽ đi vào hoạt động vào quý IV/2019 với công suất năm đầu tiên khoảng 500.000 lọ /năm (tương ứng doanh thu 100 tỷ/năm) và tăng lên 1,8 triệu lọ cho năm thứ 5 đạt 100% công suất thiết kế (tương ứng doanh thu 300 tỷ/năm).

Về chủ trương nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 49%, HĐQT đã lựa chọn các phương án để thực hiện. Trong tháng 11/2018 HĐQT công ty đã thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các nội dung liên quan nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài và đã được cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ: 68,59% về việc:

- Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh để nâng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Bidiphar lên 49% theo các qui định liên quan.
- Thành lập công ty con (100% vốn Bidiphar) nhằm chuyên nghiệp hóa phân phối hàng hóa cho Bidiphar. Đã thành lập Công ty TNHH MTV Thương Mại Bidiphar ngày 22/02/2019 và chính thức hoạt động vào ngày 01/04/2019.

Trong thời gian tới, HĐQT tiếp tục thực hiện các công việc: hoàn tất hồ sơ nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty lên 49% và gửi UBCKNN vào cuối quý II/2019.

2.2. Về công tác quản trị Công ty

i. Các cuộc họp của HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty được duy trì với 07 thành viên kể từ khi thành lập, trong đó cơ cấu thành viên HĐQT độc lập có 02 thành viên, theo đúng quy định của Thông tư 121 và Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Năm 2018, HĐQT đã tiến hành 11 cuộc họp trực tiếp để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Ban hành 9 Nghị quyết và 02 Quyết định. Biên bản, Quyết định và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS. Các cuộc họp HĐQT đều có mời Ban kiểm soát tham dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh.

ii. Các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2018

TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	340/HĐQT	30/01/2018	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2017

TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
2	476/NQ-HĐQT	12/03/2018	Nghị quyết: Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2018
3	619/NQ-HĐQT	13/04/2018	Nghị Quyết: Điều chỉnh nội dung đầu tư nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Betalactam tại Công ty TNHH Bidiphar Betalactam
4	623/NQ-HĐQT	14/04/2018	Nghị quyết: Đại hội cổ đông thường niên năm 2018
5	763/NQ-HĐQT	21/05/2018	Nghị quyết: Thông qua giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
6	982/NQ-HĐQT	02/07/2018	Nghị quyết : Lựa chọn Cty TNHH Deloitte Việt Nam làm dịch vụ kiểm toán
7	1166/QĐ-HĐQT	15/08/2018	Quyết định: Về việc ban hành quy chế công bố thông tin của Công ty
8	1167/QĐ-HĐQT	15/08/2018	Quyết định: Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
9	1246/NQ-HĐQT	12/09/2018	Nghị quyết: Về việc thông qua điều chỉnh dự án đầu tư Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao tại Nhơn Hội
10	1433/NQ-HĐQT	29/10/2018	Nghị quyết: Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11	1624/NQ-HĐQT	17/12/2018	Nghị quyết : Đại hội đồng bất thường bằng văn bản năm 2018 Bidiphar

iii. Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

HĐQT nhiệm kỳ 2014 – 2019 đã thành lập 04 tiểu ban trực thuộc, bao gồm:

Tiểu ban xây dựng chiến lược phát triển: Tối đa hóa năng lực và quản trị doanh nghiệp; quản trị tài chính và chuỗi cung ứng.

Tiểu ban phát triển thị trường: Đề xuất các phương án phát triển thị trường theo đặc thù riêng từng địa bàn phù hợp với mục tiêu Công ty ở từng thời điểm.

Tiểu ban truyền thông và pháp chế rủi ro: Chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan đến thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán... Tham mưu cho Lãnh đạo lựa chọn các đơn vị tư vấn phù hợp.

Tiểu ban nhân sự và tiền lương: Tư vấn, đề xuất HĐQT về: Quy chế chi trả lương, thưởng năm 2018; về chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao.

2.3. Thù lao HĐQT và BKS

Căn cứ theo Nghị quyết số 623/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2018 đã được biểu quyết và thông qua, thù lao HĐQT và BKS năm 2018 đã được trích 2% lợi nhuận sau thuế: 3.260.096.296 đồng. Trong năm 2018, thực chi cho các thành viên HĐQT và BKS là: 1.155.000.000 đồng.



2.4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tương đối tốt vai trò nhiệm vụ được phân công, triệt để đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên và đồng thời cũng thể hiện tính minh bạch, thống nhất trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chung của toàn Công ty.

Vượt qua những khó khăn thách thức, trong năm Bidiphar đã thực hiện hầu hết các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra, trong đó nổi bật các nội dung là tiền đề mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm, đó là : việc đầu tư nghiên cứu khoa học tăng cường năng lực cạnh tranh, phát triển mở rộng thị trường, tiết giảm tối đa chi phí, rà soát xây dựng lại cơ chế, chính sách kinh doanh bám sát nhu cầu của thị trường, tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài chính, công tác quản trị ngày càng nề nếp và cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho việc ra các quyết định quản lý.

PHẦN II BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN ĐIỀU HÀNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2017	KH 2018	TH 2018	% TH 2018/ KH 2018	% TH 2018/ TH 2017
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	833		891		107%
2	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.460	1600	1.474	92%	101%
	<i>Giá trị kim ngạch xuất khẩu</i>	<i>Nghìn USD</i>	<i>1.108</i>	<i>900</i>	<i>925</i>	<i>103%</i>	<i>83%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	204	210	201	96%	99%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	164	168	163	97%	99%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15%	15%	15%	100%	100%

2. Một số nét hoạt động nổi bật trong năm 2018

2.1. Về công tác thị trường

Công tác phát triển Câu lạc bộ khách hàng Bidiphar đạt được kết quả cao, số lượng khách hàng đạt năm 2018: 1.499 khách hàng, tăng trưởng 14% so với năm 2017.

Năm 2018, Công ty tiến hành triển khai, đào tạo và đưa vào vận hành phần mềm quản lý hệ thống phân phối bán hàng DMS tại tất cả các Chi nhánh từ đầu Quý 3. Đến nay phần mềm DMS đã góp phần hỗ trợ đắc lực cho các Chi nhánh trong công tác giám

sát bán hàng và đánh giá hiệu quả làm việc thực tế của đội ngũ nhân viên bán hàng, đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên bán hàng Bidiphar.

Hoạt động kinh doanh TTBYT: đạt 95% kế hoạch đề ra, lý do liên quan đến giá đấu thầu ngày càng giảm theo quy định của Nhà nước, mặc dù số lượng trúng thầu tăng so với năm 2017. Bên cạnh đó vẫn duy trì và giữ vững được thị phần tại các thị trường hiện có; làm nhà phân phối độc quyền một số thiết bị, vật tư y tế như mặt hàng Găng tay (Bidiphar Top Glove), huyết áp kế (ALPK)...

Về mảng sản xuất TTBYT, ngoài việc sản xuất các mặt hàng thiết bị truyền thống như máy giặt, máy cất nước, nồi hấp công nghiệp phục vụ sản xuất dược phẩm... trong năm Công ty chế tạo thành công và đưa ra thị trường thiết bị chuyên dụng Isolator phục vụ cho sản xuất dược phẩm và việc pha chế thuốc tại các cơ sở điều trị, với giá thành thấp hơn so với sản phẩm ngoại nhập.

2.2. Về công tác đầu tư

Trong năm 2018 tổng giá trị đã đầu tư **48,5 tỷ đồng**, bao gồm các hạng mục: Tiếp tục đầu tư cho Trung tâm nghiên cứu và các phân xưởng Đông khô, PX thuốc Viên, phân xưởng tiêm bột, phòng kiểm nghiệm và triển khai mới dự án nhà máy thuốc ung thư

2.3. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Triển khai vận hành hệ thống SAP – ERP về quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp, các hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm soát chặt chẽ trên hệ thống. Các phòng ban chuyên môn trên cơ sở cập nhật, phân tích dữ liệu đã tích cực tham mưu Ban giám đốc các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong điều kiện chi phí sản xuất liên tục tăng nhưng giá thuốc đấu thầu ngày càng giảm, BGD đã có các chỉ đạo kịp thời như chú trọng tìm kiếm các nguồn nguyên liệu có chất lượng đáp ứng yêu cầu đăng ký thuốc, giá cả hợp lý. Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm với chi phí hợp lý nhất. Rà soát cắt giảm các chi phí trong từng khâu của chuỗi cung ứng.

Triển khai cập nhật kịp thời các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước trên các lĩnh vực khác nhau, các phiên bản mới của quy định GPs, ISO và có các giải pháp triển khai đáp ứng yêu cầu.

Bộ phận IT đã chú trọng kiểm soát hệ thống, hướng dẫn người dùng thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ trên hệ thống; Kiểm soát lỗi, hỗ trợ và xử lý kịp thời các yêu cầu từ các đơn vị trong quá trình vận hành sử dụng phần mềm SAP ERP, DMS;

2.4. Về nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm mới

i. Về nghiên cứu sản phẩm mới

Trong năm hoàn thành nghiên cứu 10 sản phẩm mới, cải tiến 06 sản phẩm; thử tương đương sinh học 4 sản phẩm, được Bộ Y tế cấp số đăng ký mới cho 20 sản phẩm; đăng ký lại 24 sản phẩm, gia hạn 47 sản phẩm, làm hồ sơ đăng ký thay đổi 151 sản phẩm.



Thực hiện công tác chăm sóc khách hàng theo chính sách hợp đồng năm 2018: tặng quà và các vật dụng phục vụ cho công tác bán hàng tại nhà thuốc, thăm và tặng quà tri ân khách hàng Vàng – Bạc – Đồng nhân dịp lễ lớn: Tết, 30/4 – 1/5, 2/9...

Thực hiện nhiều hoạt động tài trợ cho khách hàng OTC như tặng quà và các vật dụng phục vụ cho công tác bán hàng tại nhà thuốc, thăm và tặng quà tri ân cho hàng ngàn khách hàng nhân các dịp lễ, tết...; tài trợ cho các hội nghị khoa học tại các cơ sở y tế như BV Ung Bướu Tp. Hồ Chí Minh; BV Việt Tiệp; BV TW Huế; BVĐK Bình Định.

2.7. Về công tác nhân sự, tiền lương

Tổng nhân sự Bidiphar tính đến ngày 31/12/2018 là 1.191 người. Trong đó, trên đại học: 41 người, đại học: 276 người; trung cấp: 290 người và trình độ khác: 584 người.

Năm 2018 Công ty đã tổ chức cho 1.605 lượt người tham gia 46 lớp đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

Thu nhập bình quân năm 2018 là 8,5 triệu đồng/người/tháng, đạt kế hoạch đề ra; đảm bảo ổn định việc làm cho 100% NLĐ; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Công đoàn phối hợp với chính quyền thường xuyên quan tâm, trợ cấp cho người lao động khi gia đình gặp khó khăn, ốm đau, hiếu hỷ... tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao du lịch, nghỉ mát...nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

2.8. Hoạt động xã hội

Trong năm qua, Công ty đã có nhiều hoạt động xã hội, trong đó có các hoạt động tiêu biểu như:

- Tổ chức chương trình “Bếp Cháo Yêu Thương” định kỳ hàng tháng tại các Bệnh viện và Trung tâm y tế trong tỉnh. Mỗi lần cấp phát hơn 300 suất cháo cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại các bệnh viện.
- Ủng hộ Hội bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định, chương trình “Tết sum vầy” do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức, ủng hộ quỹ “Mái ấm Công đoàn”, “Quỹ vì người nghèo”; triển khai thăm tặng quà cho gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7.

2.9. Một số thành tích đã được khen tặng

Ghi nhận sự nỗ lực, cố gắng và những thành tích vượt bậc, trong năm qua Công ty Bidiphar đã được khen tặng và công nhận những danh hiệu cao quý sau:

Thủ tướng Chính phủ tặng 01 Cờ thi đua đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của tỉnh Bình Định và danh hiệu Giải Vàng Chất lượng Việt Nam.

Bộ Khoa học Công nghệ tặng danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu năm 2018”.

Tiếp tục được tổ chức VietNam Report bình chọn nằm trong Top 10 Công ty được Việt Nam uy tín lần thứ 3 liên tiếp (2016 – 2018)

3. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

3.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tăng trưởng (%)
1	Vốn điều lệ	524	524	100%
2	Tổng Doanh thu	1.474	1.500	102%
3	Lợi nhuận trước thuế	201	200	99%
3.1	Lợi nhuận từ SXKD chính	190	190	100%
3.2	Lợi nhuận từ Công ty liên kết	10,58	10	95%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%/vốn điều lệ)	15%	15%	100%

3.2. Kế hoạch các dự án đầu tư phát triển

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Hạng mục	Kế hoạch 2019
I	Đầu tư nâng cấp tại Bidiphar	120
1	Nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng các dây chuyền sản xuất, kho, phân xưởng cơ điện, trung tâm nghiên cứu, phòng kiểm nghiệm	45
2	Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc viên non-betalactam	14
3	Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc viên Betalactam	38
4	Đầu tư mới dây chuyền sản xuất viên độc tế bào	23
II	Đầu tư mới	180
1	Tiếp tục đầu tư nhà máy thuốc ung thư của Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao	180
	Tổng cộng	300

4. Các giải pháp thực hiện.

Để hoàn thành kế hoạch 2019, Công ty đã xây dựng và ban hành bộ “Mục tiêu chất lượng/ KPI” của từng phòng ban chức năng, các chi nhánh nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ trọng tâm của từng bộ phận. Một số giải pháp chính như sau:

4.1. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

Chuẩn hóa bộ tài liệu đào tạo của Công ty cho khối thị trường; Trong năm 2019, 100% nhân viên bán hàng được đào tạo về sản phẩm và kỹ năng bán hàng;

Tiếp tục triển khai cập nhật các quy định mới về GMP, về chuyên môn vào cáo SOP cụ thể và tổ chức đào tạo cho các đối tượng phù hợp. Thực hiện nguyên tắc nhân viên phải hiểu, phải cập nhật đầy đủ các quy định có liên quan và chịu trách nhiệm về

công việc được phân công. Trưởng bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc đào tạo, kiểm tra, hỗ trợ nhân viên.

4.2. Giải pháp nâng cao công tác quản trị sản xuất

Tăng cường quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, tiếp tục phát động phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí trong quá trình sản xuất.

Nâng cao hiệu quả công tác mua hàng, đảm bảo đủ nguyên vật liệu phục vụ kịp thời cho sản xuất và nghiên cứu, đúng quy định và giá cả phù hợp. Quản lý tốt hàng tồn kho.

Tổ chức, sắp xếp sản xuất theo quy trình khoa học và hiệu quả, nhằm khai thác tối đa năng lực của máy móc thiết bị, đáp ứng 100% đơn hàng theo kế hoạch.

Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo ATLD, phòng chống cháy nổ...

4.3. Giải pháp về nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm mới

Tiếp tục đầu tư nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu phát triển. Phấn đấu hoàn thành ít nhất 20 sản phẩm mới. Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng các sản phẩm hiện hành, phấn đấu có ít nhất 05 sản phẩm đạt tương đương sinh học năm 2019.

Thực hiện kịp thời và có chất lượng hồ sơ đăng ký lại, gia hạn số đăng ký.

Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất theo đúng hồ sơ đăng ký, làm thủ tục đăng ký thay đổi kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất;

Triển khai tốt các đề tài dự án đã đăng ký như dự án thuốc điều trị ung thư, dự án sản xuất thử nghiệm thuốc tác dụng kéo dài...

4.4. Giải pháp về quản lý chất lượng

Thực hiện cập nhật kịp thời hiệu quả các quy định mới của Bộ Y tế, GPs, ISO 9001, ISO 17025 vào các SOP cụ thể

Lập kế hoạch rà soát và chuẩn bị tái đánh giá GMP về thuốc và đánh giá mới GMP thực phẩm chức năng.

Đảm bảo 100% nguyên vật liệu đầu vào, bán thành phẩm, thành phẩm được kiểm tra đạt theo tiêu chuẩn đăng ký, hồ sơ chất lượng;

Rà soát và đánh giá rủi ro cho 100% quá trình liên quan GMP;

Thực hiện công tác thẩm định theo yêu cầu GMP

Xây dựng và thẩm định tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đáp ứng 100% kế hoạch đăng ký thuốc; cập nhật kịp thời các phiên bản được diễn đúng quy định của Bộ Y tế.

Đảm bảo quản lý, hiệu chuẩn, kiểm định 100% thiết bị đo toàn Công ty theo đúng quy định GMP, GLP;

Hoàn thành đánh giá chuyển đổi sang phiên bản ISO/IEC 17025:2017 và mở rộng danh mục phép thử đáp ứng nhu cầu của công ty.

Triển khai nghiên cứu tương đương sinh học in vivo quy mô pilot các sản phẩm nhượng quyền của tập đoàn Kyorin Nhật Bản và cho ít nhất 2 sản phẩm của Bidiphar.

4.5. Giải pháp về đầu tư phát triển hệ thống phân phối

Tiếp tục hoàn thiện và khai thác tốt hơn các ứng dụng của phần mềm quản trị kênh phân phối DMS góp phần thúc đẩy tăng năng suất bán hàng của Công ty và là công cụ đắc lực trong công tác quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo;

Tìm kiếm thị trường xuất khẩu chuẩn bị đầu ra cho các nhà máy mới khi đi vào hoạt động.

Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trang thiết bị và vật tư y tế, phần đầu năm 2019 đạt doanh thu 210 tỷ đồng.

Nâng cao năng lực dự báo thị trường và lập kế hoạch tiêu thụ từng quý/ tháng cho nhân viên bán hàng, các chi nhánh.

Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất cho các chi nhánh Đà Nẵng, Thanh Hóa, Nghệ an và Hải phòng.

4.6. Giải pháp về các hoạt động marketing

Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng, phần đầu đạt doanh thu đề ra 758 tỷ;

Xúc tiến phát triển Câu lạc bộ khách hàng OTC tăng trưởng 30% so 2018, doanh số OTC đạt 415 tỷ;

Tiếp tục lộ trình triển khai các thiết kế nhận diện dòng sản phẩm, thiết kế nhận diện thương hiệu Công ty;

Tăng cường các hoạt động bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu; Cập nhật mã số mã vạch của từng sản phẩm, thực hiện các biện pháp, dấu hiệu nhận biết riêng biệt để chống hàng giả, hàng nhái trên thị trường.

Triển khai đồng bộ các hoạt động quảng bá sản phẩm chiến lược Hebamic (tên cũ là Thìa canh Bidiphar) trên toàn quốc;

4.7. Giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống SAP-ERP, DMS và triển khai ứng dụng hiệu quả tại các đơn vị trực thuộc.

Đầu tư tăng cường hệ thống bảo mật thông tin dữ liệu.

Triển khai các chính sách mới về hóa đơn điện tử, giải pháp bán hàng phù hợp qui định hiện hành.

4.8. Giải pháp tài chính và kiểm soát nội bộ

Đảm bảo số liệu, chứng từ kế toán phát sinh theo đúng quy định của pháp luật; quản lý nguồn vốn hiệu quả, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;

Hoàn thiện và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đảm bảo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật, quy định và quy chế Công ty đã ban hành.

Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao tính tuân thủ nội quy, quy chế trong hệ thống phân phối; hỗ trợ các Chi nhánh nâng cao năng lực quản trị tài chính.

PHẦN III ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2019 – 2024

1. Mục tiêu

Phát triển Bidiphar thành doanh nghiệp mạnh, các chỉ số tăng trưởng bền vững. Quản trị doanh nghiệp minh bạch, sử dụng vốn hiệu quả, tiết kiệm chi phí và tối ưu lợi nhuận.

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân năm các chỉ tiêu doanh thu là: 15%/năm và lợi nhuận 8%/năm.

Gia tăng lợi ích cho nhà đầu tư hàng năm, thực hiện tỷ lệ trả cổ tức đạt mức 20%/vốn điều lệ vào năm 2023.

Tập trung đầu tư cho hệ thống nghiên cứu phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra những dòng sản phẩm mới có lợi thế cạnh tranh.

Phát triển hệ thống phân phối hiện đại, chuyên nghiệp, đa dạng, tăng cường sự hiện diện trên tất cả các kênh hoạt động, tăng lợi thế cạnh tranh.

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, nước và nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuân thủ các quy định chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng hành và phát triển bền vững cùng cộng đồng.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019 - 2024

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng Doanh thu	1.500	1.700	1.950	2.250	2.500
2	Lợi nhuận trước thuế	200	220	240	260	280
3	Tỷ lệ chia cổ tức (%/vốn điều lệ)	15%	16%	17%	18%	20%

3. Các giải pháp chủ yếu

Tối ưu hóa cơ cấu kiểm soát hệ thống: chuyển đổi mô hình quản trị từ Ban kiểm soát qua mô hình Ban kiểm toán nội bộ nhằm tăng tính hiệu quả, minh bạch trong quá trình hoạt động và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Vận hành hiệu quả các công cụ quản trị doanh nghiệp: hệ thống quản lý tổng thể nguồn lực doanh nghiệp ERP-SAP, phần mềm quản lý hệ thống phân phối DMS, các tiêu chuẩn sản xuất dược phẩm GPs, tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015, ISO 17025, ISO 13485... tiếp tục đầu tư hoàn thiện SAP, hệ thống lập kế hoạch chi tiết, hệ thống quản lý công việc, hệ thống an ninh mạng... đảm bảo kiểm soát hiệu quả và liên tục toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

Phấn đấu xây dựng hoàn thiện Nhà máy sản xuất thuốc trị ung thư tại Khu kinh tế Nhơn Hội đưa vào hoạt động vào cuối quý IV/2019. Sau đó mời cơ quan có thẩm quyền đánh giá Nhà máy theo tiêu chuẩn GMP-PICs/EU nhằm tạo lợi thế cạnh tranh các dòng sản phẩm mới đối với thị trường trong nước và xuất khẩu.

Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược nhằm tăng vốn đầu tư các nhà máy sản xuất dược phẩm Non-betalactam và Betalactam tại khu kinh tế Nhơn Hội theo tiêu chuẩn GMP-EU. Lựa chọn nhà đầu tư có năng lực và phù hợp chiến lược phát triển dài hạn của công ty.

Chuẩn bị cho kế hoạch dài hạn Bidiphar sẽ thuê thêm 4 hecta đất tại khu kinh tế Nhơn Hội để mở rộng xây dựng 02 nhà máy.

Tối ưu hóa các dây chuyền sản xuất hiện tại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Đầu tư nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu phát triển: Phấn đấu mỗi năm có ít nhất 20 sản phẩm mới được Bộ y tế cấp phép lưu hành. Chú trọng các sản phẩm đặc trị, sản phẩm tiên tiến về kỹ thuật, công nghệ, sản phẩm được chứng minh tương đương sinh học nhằm tạo ra lợi thế của sản phẩm trên thị trường. Nghiên cứu đánh giá toàn diện Danh mục hàng sản xuất hiện tại đưa ra các giải pháp loại bỏ hay phát triển nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh. Mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác khách hàng trong và ngoài nước, ứng dụng các giải pháp mới về khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm.

Mở rộng phát triển hệ thống phân phối hiện đại: một khi ưu thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm ngày càng khó khăn hơn thì việc xây dựng ưu thế từ hệ thống phân phối mạnh sẽ là giải pháp hữu hiệu nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh. Phấn đấu tăng hiện diện bán hàng thông qua việc thành lập chi nhánh mới, đa dạng khách hàng đảm bảo tỷ trọng bán hàng kênh OTC tăng trưởng bình quân năm 20% - 30%. Mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm phát huy lợi thế các nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn GMP-PICs/EU.

Tập trung xây dựng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, công nhân kỹ thuật lành nghề, đảm bảo bổ sung phù hợp kịp thời cho sự phát triển hệ thống, thích ứng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và hội nhập quốc tế. Tập trung đồng bộ các giải pháp: thực hiện văn hóa doanh nghiệp, xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, chính sách đào tạo, chăm lo tinh thần, nâng cao chất lượng đời



sống cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc năng động, thoải mái giúp người lao động phát huy hết năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho công ty.

PHẦN IV KẾT LUẬN

Kính thưa Quý vị đại biểu và Quý vị cổ đông!

Năm 2018, tuy có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với định hướng chiến lược kinh doanh, nguồn nhân lực có năng lực, nhiệt huyết với Công ty, đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự tin nhiệm, sự ủng hộ và đồng hành của quý khách hàng, của Quý nhà đầu tư, Bidiphar tin tưởng sẽ hoàn thành thắng lợi những chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; Tiếp tục củng cố và nâng cao thương hiệu Bidiphar, đảm bảo và gia tăng lợi ích cho người lao động và cổ đông, chăm sóc và tiện ích tốt nhất cho khách hàng, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, các Quý vị đại biểu cùng đối tác, khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Bidiphar trong những năm qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Bidiphar trong tương lai.

Trân trọng kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp! *hqm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quá

Số : 743/ BC.ĐHĐCD

Bình Định, ngày 09 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2018
CỦA CÔNG TY CP DƯỢC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP DƯỢC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH(BIDIPHAR)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Dược trang Thiết bị Y Tế Bình Định(Bidiphar)

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty CP Dược Trang Thiết bị Y Tế Bình Định(Bidiphar) đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Tài liệu báo cáo đã đăng tải trên Website của Công ty: www.bidiphar.com.vn; website của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh; và website của UBCKNN.

Tại ĐHĐCD thường niên năm 2019, HĐQT xin trình bày trước Đại hội Báo cáo tài chính hợp nhất 2018 với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31.12.2018

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
TỔNG TÀI SẢN	1.434.340.877.186	1.544.190.020.294
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.021.237.151.785	1.115.417.706.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	92.556.725.446	96.499.799.276
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	222.701.393.300	313.801.393.300
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	428.877.865.723	405.923.475.889
IV. Hàng tồn kho	269.729.041.858	289.896.756.500
V. Tài sản ngắn hạn khác	7.372.125.458	9.287.281.746
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	413.103.725.401	428.772.313.583
I. Tài sản cố định	218.861.572.025	246.926.090.813
II. Tài sản dở dang dài hạn	25.129.864.154	11.268.113.916
III. Đầu tư tài chính dài hạn	143.526.055.600	140.091.675.860
IV. Tài sản dài hạn khác	25.586.233.622	30.846.432.994
TỔNG NGUỒN VỐN	1.434.340.877.186	1.544.190.020.294
C. NỢ PHẢI TRẢ	543.686.587.994	711.180.646.630
I. Nợ ngắn hạn	497.319.705.472	655.811.519.815
II. Nợ dài hạn	46.366.882.522	55.369.126.815
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	890.654.289.192	833.009.373.664
I. Vốn chủ sở hữu	868.083.062.849	806.467.438.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	523.790.000.000	523.790.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	20.921.442.000	20.921.442.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	73.986.715.286	57.686.233.807
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	249.385.783.563	204.070.640.819
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	22.571.226.343	26.541.935.038
1. Nguồn kinh phí	17.650.232.586	20.247.177.170
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	4.920.993.757	6.294.757.868



II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

Đơn vị tính : VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.474.019.031.146	1.459.521.443.028
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	72.994.714.895	71.294.044.621
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.401.024.316.251	1.388.227.398.407
4	Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	972.896.278.931	897.554.931.536
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	428.128.037.320	490.672.466.871
6	Doanh thu hoạt động tài chính	16.074.493.083	18.773.405.464
7	Chi phí tài chính	12.200.034.045	10.811.343.030
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	8.365.839.665	6.828.194.142
8	Lợi nhuận từ công ty liên kết	10.579.768.740	8.030.136.127
9	Chi phí bán hàng	174.049.858.919	210.957.435.113
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	67.521.210.099	92.776.906.480
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	201.011.196.080	202.930.323.839
12	Thu nhập khác	231.410.778	688.750.946
13	Chi phí khác	216.262.760	22.626.147
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	15.148.018	666.124.799
15	Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	201.026.344.098	203.596.448.638
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.021.545.804	39.205.654.511
17	Lợi nhuận sau thuế	163.004.798.294	164.390.794.127
	Phân bổ cho:		
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	163.004.798.294	164.390.794.127
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.801	2.823

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	29%	28%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71%	72%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/ Vốn CSH	%	62%	85%
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	38%	46%
	Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	62%	54%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,51	1,26
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,05	1,70
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	10,95%	11,04%
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,63%	11,84%
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	18,91%	20,47%

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN QUÁ



Số: 746 / TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 09 tháng 04 năm 2019

**TỜ TRÌNH BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019**

Kính gửi:

Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định.

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 được trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối năm 2019 như sau:

I. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018

			DVT: VND
STT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty mẹ		163.004.798.294
II	Phân chia các quỹ		39.121.155.532
1	Quỹ Đầu tư phát triển	10%	16.300.481.470
2	Quỹ khen thưởng và Phúc lợi	10%	16.300.481.470
4	Thù lao HĐQT, BKS	2%	3.260.096.296
	Thưởng Ban điều hành	2%	3.260.096.296
III	Chia cổ tức năm 2018	15%/vốn điều lệ	78.568.372.500
IV	Lợi nhuận còn lại		45.315.270.262

**II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019**

			DVT: VND
STT	Nội dung	Tỷ lệ trích lập 2019 dự kiến	
I	Lợi nhuận sau thuế sau thuế hợp nhất của Công ty mẹ	100% LNST	
II	Phân chia các quỹ		
1	Quỹ Đầu tư phát triển	10% LNST	
2	Quỹ khen thưởng và Phúc lợi	10% LNST	
3	Thù lao HĐQT, BKS	1% LNST	
4	Thưởng Ban điều hành	1% LNST	
III	Lợi nhuận chia cổ tức	15%/vốn điều lệ	
IV	Lợi nhuận còn lại (IV) = (I) - (II) - (III)	Phần LNST còn lại	

Trên đây là phương án phân phối lợi cho năm tài chính 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019, kính trình ĐHĐCĐ thường niên xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- Lưu:VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN QUÁ





Số: 744 / TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 09 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
(V/v lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019)

Kính gửi:

Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang Thiết bị Y tế Bình Định(Bidiphar)
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động CTCP Dược – Trang Thiết bị Y tế Bình Định

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Dược – Trang Thiết Bị Y tế Bình Định(Bidiphar) theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính trong năm 2019 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

- Chọn một đơn vị kiểm toán Quốc tế có uy tín, được phép hoạt động tại Việt nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết.
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán báo cáo tài chính theo các quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế.
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất chọn Công ty kiểm toán

Căn cứ các tiêu thức lựa chọn trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán lớn của Việt Nam (Big4) sau để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty CP Dược – Trang Thiết bị Y tế Bình Định(Bidiphar) và các Công ty con:

1. Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
2. Công ty TNHH Ernst & Young
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
4. Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC)

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua. / *mngmbv*

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- Lưu:VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN QUÁ

Bình Định, ngày 21 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Ban kiểm soát (BKS) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 những nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2018, tình hình sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã nỗ lực phấn đấu nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	1.474
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	VNĐ	201
3	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	VNĐ	38
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	VNĐ	163
5	Tỷ lệ cổ tức (%/VĐL)	%	15

b. Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018	Thực hiện năm 2018	%
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	524	524	-
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.600	1.474	92
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	210	201	96
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%/VĐL	15	15	100

2. Công tác quản trị điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT):

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp để bàn bạc, thống nhất và đưa ra các quyết định quan trọng có liên quan đến các hoạt động của Công ty.

Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện toàn bộ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT.

Theo dõi sát sao các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ tạo mọi điều kiện để Ban điều hành triển khai và xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và đảm bảo mục tiêu định hướng năm 2018 của Công ty.

Hoạt động quản trị và điều hành trong năm 2018 về cơ bản đảm bảo mục tiêu sản xuất kinh doanh (SXKD), tuân thủ các quy định của pháp luật. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động. Thực hiện báo cáo, công bố thông tin đúng quy định.

Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc:

Năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT.

Cùng với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã có những chỉ đạo sát sao nhằm đảm bảo duy trì hoạt động SXKD. Điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

Ban Tổng Giám đốc luôn kịp thời đưa ra những giải pháp để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong điều hành, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, bao gồm các giải pháp chủ yếu về thị trường, sản phẩm, dịch vụ, tiết kiệm chi phí, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng lực quản lý.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ động đề xuất phương án SXKD và các giải pháp vượt qua khó khăn để hoàn thành kế hoạch được giao. Từng thời điểm cụ thể, Ban lãnh đạo Công ty tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ theo từng đặc thù hoạt động của các đơn vị trực thuộc.

Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty phát động nhiều phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, khắc phục những khó khăn nhằm duy trì và ổn định hoạt động SXKD, đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS:

Thù lao của BKS và chế độ liên quan được chi trả theo kế hoạch phân chia các quỹ của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên BKS được hưởng thù lao gắn với vị trí công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Tổng thù lao nằm trong hạn mức đã được phê duyệt.

Chi phí hoạt động của BKS được thực hiện theo chế độ thu chi tài chính của Công ty.

5. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS:

Số lượng thành viên BKS là 03 người. Trong năm 2018, BKS đã tổ chức 03 cuộc họp kết hợp giữa việc xem xét các Báo cáo tài chính và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể:

- Ngày 21/4/2018 : Họp soát xét lại nhiệm vụ của BKS năm 2018 sau khi có sự thay đổi nhân sự và xem xét BCTC quý 1/2018 – Thành viên tham gia họp: 03/03.
- Ngày 20/7/2018 : Họp xem xét BCTC 6 tháng đầu năm và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông – Thành viên tham gia họp: 03/03.
- Ngày 27/10/2018 : Họp xem xét BCTC quý 3/2018 và đánh giá kết quả 9 tháng đầu năm, dự kiến khả năng hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông – Thành viên tham gia họp: 03/03.

6. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty:

Việc ghi chép, mở sổ kế toán theo các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2018.

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán, BKS thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính và báo cáo năm 2018 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã được phản ánh đầy đủ tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông:

a. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Ban điều hành:

HĐQT và Tổng Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành thường xuyên cung cấp thông tin và dữ liệu liên quan theo định kỳ để BKS thực hiện nhiệm vụ của mình.

HĐQT đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS. Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty khi có yêu cầu.

HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty luôn giữ mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý và kiểm soát hoạt động SXKD.

b. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và các cổ đông:

Trong năm 2018, BKS không nhận được yêu cầu bằng văn bản nào của cổ đông về việc yêu cầu kiểm tra những vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. BKS và cổ đông chỉ trao đổi một số thông tin liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty mà cổ đông quan tâm về hoạt động đầu tư và mở rộng hệ thống phân phối.

8. Kết luận và đề xuất của Ban kiểm soát:

a. Kết luận:

Quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2018, HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. BKS không nhận được yêu cầu bằng văn bản nào của cổ đông về việc yêu cầu kiểm tra những vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

BKS thống nhất với Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và phương án kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2019 của HĐQT trình Đại hội. Thống nhất với báo cáo tình hình tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

b. Đề xuất:

Để góp phần thực hiện các chỉ tiêu năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, BKS có một số đề xuất sau:

- Công ty duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm hàng hiện có.
- Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD.
- Nâng cao chất lượng của hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro.
- Có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới. Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả.
- Có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động SXKD và yêu cầu phát triển của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Việt

Số: 745 / TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 08 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

**V/v thay đổi cơ cấu quản trị từ mô hình Ban kiểm soát
sang mô hình Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định;

*Căn cứ 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng
đối với công ty đại chúng;*

Căn cứ Nghị 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về kiểm toán nội bộ,

Việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty sang mô hình không có Ban kiểm soát giúp việc giám sát các hoạt động quản trị của Công ty hiệu quả hơn. Cụ thể, chức năng giám sát được chuyển về HĐQT, xóa bỏ Ban Kiểm soát. HĐQT sẽ có sự tham gia của các thành viên HĐQT độc lập, có uy tín và năng lực chuyên môn, đặc biệt là về kiểm soát và kiểm toán. Thông lệ tốt nhất trên thế giới về quản trị công ty được khuyến nghị theo mô hình này. Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, có tính độc lập cao, thực hiện chức năng giám sát HĐQT và Ban điều hành. Khi đó các thành viên độc lập, Ban kiểm toán nội bộ có đầy đủ quyền lực, có nguồn lực và vị thế độc lập để thực hiện tốt vai trò giám sát của mình.

Theo qui định tại Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2015 cho phép công ty cổ phần có thể lựa chọn mô hình hoạt động có Ban kiểm soát hay không có Ban kiểm soát trong cơ cấu tổ chức và quản trị Công ty, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tế đa dạng của doanh nghiệp về quy mô, sở hữu và các thức quản trị công ty như hiện nay ở Việt Nam. Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, bỏ Ban Kiểm soát là mô hình quản trị công ty kiểu mới, mà phần lớn các quốc gia trên thế giới đang áp dụng. Tại Việt nam một số công ty lớn đã thực hiện việc chuyển cơ cấu quản trị sang mô hình không có Ban kiểm soát như: CTCP Sữa Việt Nam (VNM), CTCP Cơ Điện Lạnh (REE), CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL), CTCP Licogi 16 (LCG), CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (SBT),

Như vậy, việc thực hiện chuyển sang cơ cấu quản trị không có Ban kiểm soát đang là xu hướng của các doanh nghiệp lớn, mang tính hiệu quả cao trong quản trị và phù hợp với mô hình của Bidiphar.



Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Dược- Trang thiết bị Y tế Bình Định kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua: Thay đổi cơ cấu quản trị Công ty từ mô hình hoạt động có Ban Kiểm soát sang không có Ban Kiểm soát và thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc quản lý của HDQT.

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua các vấn đề trên. *gvt*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, Thư ký HDQT.



Nguyễn Văn Quá





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

/NQ-ĐHCĐ2019

Bình Định, ngày 19 tháng 04 năm 2019

ĐU THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định;

Căn cứ các Báo cáo, Tờ trình do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20/04/2019;

Căn cứ Biên bản ngày 20/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc đánh giá kết quả hoạt động của Công ty năm 2018 hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu cơ bản năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.474
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	201
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	163
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%/VĐL	15

Thông qua chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	524	524	100%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.474	1.500	102%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	201	200	99%
4	Tỷ lệ chi cổ tức	%	15%	15%	100%

Thông qua Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Hạng mục	Kế hoạch 2019
I	Đầu tư nâng cấp tại Bidiphar	120
1	Nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng các dây chuyền sản xuất, kho, phân xưởng cơ điện, trung tâm nghiên cứu, phòng kiểm nghiệm	45
2	Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc viên non-betalactam	14
3	Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc viên Betalactam	38
4	Đầu tư mới dây chuyền sản xuất viên độc tế bào	23
II	Đầu tư mới	180
1	Tiếp tục đầu tư nhà máy thuốc ung thư của Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao	180
	Tổng cộng	300

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 4. Thông qua Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019.

Điều 5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong bốn Công ty kiểm toán sau là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm tài chính 2019 của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định:

Điều 6. Thông qua thay đổi cơ cấu quản trị từ mô hình Ban kiểm soát sang mô hình Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Điều 7. Thông qua miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 20/04/2019.

Điều 8. Kết quả bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024.

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần bầu	Tỷ lệ trúng cử
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				
6.				
7.				

Điều 9. Thông qua thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị bao gồm các thành viên có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Chức danh
1.		
2.		
3.		

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định.

Điều 11. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định.

Điều 12. Giao Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định nhiệm kỳ II (2019 - 2024) triển khai và thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS Công ty;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT TPHCM;
- Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- Website Bidiphar;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Văn Quá**

Số: 755 /TTr-ĐHCĐ2019

Bình Định, ngày 09 tháng 4 năm 2019

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
V/v bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định;

Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định,

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019 đã kết thúc trong năm 2019 sau 05 năm tại nhiệm, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ I (2014-2019) tiếp tục hoạt động cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Theo quy định của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu cử HĐQT nhiệm kỳ II (2019-2024) như sau:

I. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện

1. Số lượng: 07 người, trong đó có 03 thành viên HĐQT quản trị độc lập (theo Điều lệ Công ty).
2. Tiêu chuẩn và điều kiện:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác nhưng không được làm thành viên Hội đồng quản trị của quá 05 Công ty cổ phần khác kể từ ngày 01/08/2019 (căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017).

II. Danh sách ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

- Công ty đã đăng thông báo về việc ứng cử, đề cử ngày 04/04/2019 đến các Quý cổ đông. Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ của các cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện đề cử/ứng cử tính đến hạn chót vào lúc 17 giờ ngày 08/04/2019.
- Công ty đã tổng hợp lại danh sách ứng, đề cử như sau:

1. Ông **Nguyễn Văn Quá** do nhóm cổ đông sở hữu **10,3%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;
2. Ông **Huỳnh Ngọc Oanh** do nhóm cổ đông sở hữu **10,1%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;
3. Ông **Nguyễn Thanh Giang** do nhóm cổ đông sở hữu **10,2%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;
4. Ông **Nguyễn Tiến Hải** do nhóm cổ đông sở hữu **10,02%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;
5. Ông **Tạ Nam Bình** do nhóm cổ đông sở hữu **10,62%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;
6. Ông **Hoàng Văn Thắng** do nhóm cổ đông sở hữu **10,08%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;

Chiếu theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, tất cả 06 ứng cử viên trên đều đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách bầu cử HĐQT.

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông,

Đến thời điểm hiện nay số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty là 07 người. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 11 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và khoản 2 Điều 11 Quy chế quản trị nội bộ Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định, Hội đồng quản trị xin đề cử thêm 01 ứng cử viên có tên sau đây:

1. Ông **Nguyễn Văn Thịnh** – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2014-2019) được nhóm cổ đông sở hữu 7,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Danh sách bầu cử HĐQT nhiệm kỳ II (2019-2024) như trên, đồng thời nghiên cứu Quy chế bầu cử, thông tin lý lịch của các ứng cử viên (kèm theo) để tiến hành thủ tục bầu cử tại Đại hội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- Lưu:VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quá



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Quá
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 02/02/1961
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND/CCCD số: 210111956 Ngày cấp: 23/04/2013 Nơi cấp: CA Bình Định
6. Địa chỉ thường trú: 45 Diên Hồng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
7. Số điện thoại liên hệ: 0903500339
8. Trình độ chuyên môn:

Tháng, năm	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp/Chứng chỉ
1978-1983	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	Kỹ sư kinh tế công nghiệp

9. Quá trình công tác:

Tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
5/1983 – 8/1986	Nhân viên phòng kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
9/1986 – 12/1987	Phó trưởng phòng kế hoạch - Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
1/1988 – 12/1989	Trưởng phòng kế hoạch – cung tiêu - Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
1/1990 – 5/1995	Phó giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định
6/1995 – 11/2006	Phó giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
12/2006 – 2008	Phó Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/2009 – 2010	Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
2010 – 02/2014	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
03/2014 – Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược -Trang thiết bị Y tế Bình Định

10. Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định


11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (nếu có):

- Chủ tịch Hội đồng thành viên tại 04 Công ty con 100% vốn góp Bidiphar bao gồm: Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao, Công ty TNHH Bidiphar Betalactam, Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam, Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan.

Tôi xin xác nhận lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 08 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Văn Quá



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/12/1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 211545152 Ngày cấp: 25/10/2002 Nơi cấp: CA Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 70 Nguyễn Thị Định, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Số điện thoại liên hệ: 0903505369
- Trình độ chuyên môn:

Tháng, năm	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp/Chứng chỉ
1986-1990	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	Kỹ sư tài chính – kế toán

- Quá trình công tác:

Tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
10/1990-05/1995	Kế toán viên thuộc Xí nghiệp dược phẩm Bình Định
06/1995-12/1996	Phó phòng Tài vụ Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
01/1997- 18/01/2000	Phó phòng Kế toán Công ty Dược- Trang thiết bị y tế Bình Định
19/01/2000-03/2009	Kế toán trưởng Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
04/2009-02/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
03/2014 - Nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (nếu có):

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định

Tôi xin xác nhận lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 08 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI KHAI

Nguyễn Thanh Giang



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: Huỳnh Ngọc Oanh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/04/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 025220783 Ngày cấp: 03/11/2009 Nơi cấp: CA TPHCM
- Địa chỉ thường trú: 63 Đặng Văn Chấn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Số điện thoại liên hệ: 0903822945
- Trình độ chuyên môn:

Tháng, năm	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp/Chứng chỉ
1982-1987	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh	Đại học Dược

- Quá trình công tác:

Tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
04/1988 - 12/1991	Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Dược Tuy Phước, Bình Định
01/1992-1996	Công tác tại Trạm đại diện Cty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
01/1997-09/2010	Giám đốc Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
10/2010 - 09/2011	Giám đốc khu vực phía Nam kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
10/2011-02/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định.
03/2014 - Nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (nếu có): Không

Tôi xin xác nhận lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 08 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI KHAI

Huỳnh Ngọc Oanh



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Thịnh**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/01/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 211742605 Ngày cấp: 23/04/2013 Nơi cấp: CA Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 21 Dã Tượng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Số điện thoại liên hệ: 0913.440.917
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Tháng, năm	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp/Chứng chỉ
1992-1996	Trường Đại học Kinh tế - Quản trị kinh doanh Đà Nẵng	Cử nhân kinh tế

9. Quá trình công tác:

Tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
02/1987 - 09/2000	Kế toán trưởng tại Công ty Dược An Nhơn, Bình Định.
09/2000 - 04/2005	Kế toán trưởng xí nghiệp nước khoáng trực thuộc Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định.
05/2005 - 06/2007	Giám đốc XN nước khoáng trực thuộc Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định.
07/2007-10/2009	Giám đốc Công ty TNHH Nước khoáng Quy Nhơn trực thuộc Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định.
11/2009 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn.
07/2007 – 02/2014	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định.
03/2014 – Nay	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược -Trang thiết bị Y tế Bình Định.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (nếu có): Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần nước khoáng Quy Nhơn.

Tôi xin xác nhận lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 06 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Văn Thịnh

SƠ YẾU LÝ LỊCH



- 1 Họ và tên : **NGUYỄN TIẾN HẢI**
 2 Giới tính : Nam
 3 Ngày sinh : 19/06/1972
 4 Quốc tịch : Việt Nam
 5 CMND/CCCD số : 004072000018 Ngày 17/11/2017
 Nơi cấp : Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
 6 Địa chỉ thường trú : 69 Nguyễn Thi - Phường 13 - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh
 7 Số điện thoại liên lạc : 0918029987
 8 Trình độ chuyên môn : Trung cấp

Tháng ,Năm	Trường, Nơi đào tạo	Bằng cấp/ Chứng chỉ
06/1994	Trường Trung cấp Tài chính kế toán 4 Nay là Trường cao đẳng Tài chính kế toán 4	Trung cấp chuyên ngành Thuế

9 Quá trình công tác :

Tháng, Năm	Chức vụ , đơn vị công tác
07/1994	Nhân viên KD Công ty TNHH TM Hải Đăng
01/2000	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty TNHH TM Kim Tín
Nay	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kim Tín

- 10 Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Kim Tín
 11 Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác (nếu có)
 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Tín
 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kim Tín MDF

12 Lợi ích liên quan đến Công ty :

- Số cổ phần nắm giữ : 832,813 Cổ phần
- Các cam kết nắm giữ :
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của BIDIPHAR

STT	Họ và tên người có liên quan	Quan hệ	CMND/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại Bidiphar
1	Trịnh Thị Xuân	Vợ	004174000031	17/11/2017	Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	2,343,399
2	Nguyễn Thị Thủy	Chị	080394432	16/08/2006	CA Cao Bằng	1,609,820

- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không

Tôi xin cam kết về tính đầy đủ, đúng đắn của các thông tin kê khai trên và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

TP Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI KHAI

(Ký & ghi rõ họ tên)



NGUYỄN TIẾN HẢI

MẪU BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

(Áp dụng cho cổ đông lớn là cá nhân, người đại diện phần vốn góp của tổ chức, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, (Tổng) Giám đốc, Phó (Tổng) Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, người làm việc tại bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ)



- 1) Họ và tên : HOÀNG VĂN THẮNG Giới tính: Nam
- 2) Ngày sinh : 05/10/1978
- 3) Nơi sinh : Hà Nam
- 4) Quốc tịch : Việt Nam
- 5) CMND số : 025 573 153 ngày cấp 22/03/2012 nơi cấp CA Tp HCM
- 6) HKTT : 14B Đường 23, Khu phố 2, P.Tân Quy, Q.7, Tp. HCM
- 7) Chỗ ở hiện tại : 14B Đường 23, Khu phố 2, P.Tân Quy, Q.7, Tp. HCM
- 8) Trình độ : Thạc sĩ Tài Chính Ngân Hàng
- 9) Nghề nghiệp : CBCNV
- 10) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân).
- 11) Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại các công ty chứng khoán (liệt kê cụ thể)
- 12) Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1998 - 2002	ĐH Dân Lập Văn Lang	Kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ	Cử nhân
2007 -2008	ĐH Kinh tế Tài Chính	Định Giá- Môi giới bất động sản	Cử nhân
2011-2014	ĐH Kinh Tế Tp.HCM	Tài Chính Ngân Hàng	Thạc sĩ
2016 -2017	Trung tâm đào tạo chứng khoán	Quản lý quỹ	Chứng chỉ hành nghề

- 13) Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2001 - 2004	Công ty YBS HongKong	Phụ trách KDXNK
2004 - 2007	Công ty TNHH TMDV Du lịch Tràm Việt	Chủ tịch HĐQT
2007 - 2014	Ngân hàng TMCP Nam Á	Phụ trách Phòng Đầu tư tài chính
2014 - 2016	Công ty CP Đầu tư sản xuất giấy Nam Long	Chủ tịch HĐQT
2016 đến nay	Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh	Tổng giám đốc

14) Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh

15) Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác (nếu có): không

16) Lợi ích liên quan đến Công ty:

- Số cổ phần nắm giữ: không
- Các cam kết nắm giữ: không
- Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của BIDIPHAR

Kê khai người có liên quan (kê khai toàn bộ mối quan hệ "người có liên quan" theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán)

Họ và tên/Tên tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người khai	CMND, ngày cấp, nơi cấp	Nơi làm việc	Vị trí công việc	Tên CTCK có cổ phần nắm giữ	SLCP, tỷ lệ nắm giữ
Hoàng Sỹ Lan	Cha			Đã mất		
Trần Thị Hòa	Mẹ	271547662		Nội trợ		
Hoàng Văn Mạnh	Anh	271322526	CTCP SX Giấy Nam Long	Giám đốc Kinh doanh		
Hoàng Sĩ Lộc	Em	272318093	CTCP SX Giấy Nam Long	TP.Vật tư		
Phạm Thị Kim Ánh	Vợ	52179000146	CTy BH Generali VN	Đại lý Tư Vấn BHNT	423.000	0,807%
Hoàng Kim Hải Yến	Con	Còn nhỏ				

Hoàng Hải Đăng	Con	Còn nhỏ				
----------------	-----	---------	--	--	--	--

- Những khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

Tôi cam kết về tính đầy đủ, đúng đắn của các thông tin kê khai trên và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Tp Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm 2019

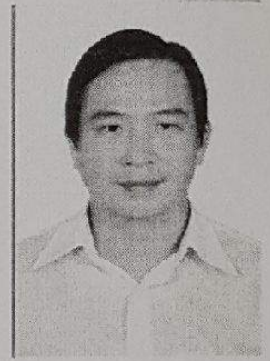
Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



HOÀNG VĂN THẮNG

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1. Họ và tên: Tạ Nam Bình
2. Giới tính: Nam Nữ
3. Ngày sinh: 29/11/1975
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND số: 023063696 ngày cấp: 23/10/2014 tại: CA TP.HCM
6. Địa chỉ thường trú: FF1 Ba Vì Phường 15 Quận 10 TP.HCM
7. Số điện thoại liên lạc: 0913153424
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
10. Quá trình công tác:
 - 1997-2007 Sở Du lịch TP.HCM
 - 2007 đến nay: PTGD-PCT HĐTV Công ty TNHH Bệnh viện Phụ sản Mê Kông
 - 2012 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Sơn - Tổng công ty Du lịch Sài Gòn
 - T4/2018 đến nay: TV HĐQT - Công ty CP Xây Dựng 47
 - T11/2018 đến nay: Chủ tịch - Công ty CP Du Lịch Hàm Hồ
11. Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Sơn.

Tôi xin xác nhận lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019
Người khai

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Ta Nam Binh', written over a horizontal line.

TẠ NAM BÌNH

Số: **455** /TTr-DHCD2019

Bình Định, ngày 09 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/NĐ-CP ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty nhằm phù hợp với việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty từ mô hình Ban kiểm soát sang mô hình Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Đề Quý Cổ đông thuận tiện trong việc xem xét các nội dung sửa đổi, bổ sung nổi bật, Quý cổ đông có thể theo dõi tại Bảng tham chiếu sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn. / *lm*

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- Lưu:VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quá

Số: 755 /TTr-ĐHCĐ2019

Bình Định, ngày 09 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/NĐ-CP ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi, bổ sung của Công ty nhằm phù hợp với việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty từ mô hình Ban kiểm soát sang mô hình Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Đề Quý Cổ đông thuận tiện trong việc xem xét các nội dung sửa đổi, bổ sung nổi bật, Quý cổ đông có thể theo dõi tại Bảng tham chiếu sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./. *lv*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quá

Số: **756**/TTr-ĐHCĐ2019

Bình Định, ngày 09 tháng 04 năm 2019

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
V/v miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định,

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát đối với các Ông/Bà sau:

1. Ông Nguyễn Quang Việt
2. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
3. Bà Trinh Phương Mai

Lý do miễn nhiệm: Phù hợp cơ cấu tổ chức quản lý Công ty sau khi thay đổi.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- Lưu:VT, Thư ký HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Việt

QUY CHẾ LÀM VIỆC & THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự Đại hội và các bên tham dự Đại hội; quy định về điều kiện và thủ tục tiến hành Đại hội, thể thức biểu quyết công khai.

Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra.
2. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ và đoàn kết.
3. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Công ty.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp.

Điều 3. Trật tự của Đại hội

1. Cổ đông tham dự ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức Đại hội sắp xếp
2. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
3. Hạn chế nói chuyện riêng và chuyển điện thoại di động sang chế độ rung trong lúc diễn ra trong Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Bidiphar và theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến bằng hình thức giơ tay, Chủ tọa sẽ mời từng cổ đông phát biểu. Cổ đông không được phát biểu những nội dung không liên quan đến Chương trình Đại hội. Ngoài ra, tài liệu đại hội được đăng tải trên website của công ty (www.bidiphar.com). Vì vậy, để Đại hội được chuẩn bị chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị các ý kiến đóng góp và gửi về cho ban tổ chức Đại hội (thông qua Fax hoặc Email).



3. Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.
4. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội mang theo chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy xác nhận tham dự hoặc giấy ủy quyền (nếu có) để thực hiện thủ tục đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông, nhận Thẻ biểu quyết.
5. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có nghĩa vụ tham dự Đại hội đúng giờ. Trong trường hợp đến muộn vẫn được tham dự và tham gia biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
6. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn và Ban tổ chức Đại hội; đảm bảo trật tự trong Đại hội.

Điều 5. Trách nhiệm của Ban thẩm tra tư cách cổ đông

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Bidiphar quyết định thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:
 - a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;
 - b. Nhận và kiểm tra các giấy CMND/CCCD/hộ chiếu, giấy xác nhận tham dự Đại hội, giấy ủy quyền của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp;
 - c. Phát Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - d. Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.
2. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - a. Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết;
 - b. Tiến hành kiểm đếm Thẻ biểu quyết công khai;
 - c. Tổng hợp báo cáo Chủ tọa đoàn và công bố kết quả biểu quyết của từng vấn đề
2. Chủ tọa có thể thành lập bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội

Danh sách Chủ tọa Đoàn do Ban Tổ chức Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua bằng biểu quyết. Trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội:

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 8. Trách nhiệm của Thư ký Đại hội

Thư ký Đại hội do Chủ tọa đề cử, có trách nhiệm:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội.
2. Soạn thảo và trình bày trước Đại hội về biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Các quy định chung về biểu quyết

- 1.1. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- 1.2. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền, gọi chung là cổ đông đến dự Đại hội sẽ được Ban Tổ chức Đại hội phát 01 “Thẻ biểu quyết” có ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện.
- 1.3. Cổ đông có thể được nhận hơn 01 “Thẻ biểu quyết” trong trường hợp cổ đông đó có thêm ủy quyền hợp lệ mà Ban tổ chức không kịp gộp các “Thẻ biểu quyết” làm một.

2. Thẻ thức biểu quyết

- 2.1. Tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cổ đông được biểu quyết bằng hình thức “giơ Thẻ biểu quyết”.
- 2.2. Cổ đông đưa ra các quyết định: “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Ghi nhận kết quả biểu quyết

Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của từng nội dung đối với hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại

9564
G TY
PHAN
ANG THIE
BINH DI
IDIPHAR
HON-T F

hội. Báo cáo tại Đại hội và gửi kết quả báo cáo ngay với Thư ký Đại hội để ghi vào Biên bản Đại hội.

4. Tỷ lệ biểu quyết cần đạt được để thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.1. Quyết định của Đại hội được thông qua tại cuộc họp được số cổ đông đại diện **từ 51%** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm 4.2 khoản này.

4.2. Đối với các vấn đề sau, phải được số cổ đông đại diện **từ 65%** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

a. Thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty;

b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. *hm*

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Quá





QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CTCP DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định được ban hành ngày 14/04/2018,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (“**Công ty**” hoặc “**BIDIPHAR**”) tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ II (2019 – 2024) theo các quy định như sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

- Hình thức thực hiện: bỏ phiếu kín theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.
- Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông trực tiếp hoặc ủy quyền dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng 01 phiếu bầu cử (Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có đóng dấu của Công ty).
- Thành phần Ban kiểm phiếu phải được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách đề cử/ứng cử.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

Điều 2. Đối tượng thực hiện quyền bầu cử

Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày **20/03/2019**) có mặt tại thời điểm biểu quyết, đã hoàn thành thủ tục đăng ký và ký tên trong danh sách cổ đông dự họp đều có quyền tham gia bầu cử thành viên HĐQT.

Điều 3. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới

3.1. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới cần bầu: **07** thành viên

3.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;



- Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác nhưng không được làm thành viên HĐQT của quá 05 Công ty khác kể từ ngày **01/08/2019**.

3.3. Thành viên HĐQT độc lập có thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho chính BIDIPHAR, công ty con của BIDIPHAR; không phải là người đã từng làm việc cho BIDIPHAR, công ty con của BIDIPHAR ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ BIDIPHAR, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người điều hành quản lý của BIDIPHAR hoặc công ty con của BIDIPHAR;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của BIDIPHAR;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của BIDIPHAR ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Điều 4. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

- 4.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 4.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT.

Điều 5. Các quy định về Phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử được in thống nhất, có tổng số phiếu bầu theo mã số cổ đông;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát một phiếu duy nhất, phiếu bầu cử thành viên HĐQT theo mã số cổ đông.

2. Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử

2.1. Phiếu bầu cử hợp lệ đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có đóng dấu tròn của Công ty;

- Có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- Không bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa.

2.2. Phiếu bầu cử không hợp lệ

- Không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- Không đóng dấu tròn của Công ty;
- Bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
- Bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT được bầu;
- Nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu đã kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.

Các Phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử

3. Cách ghi Phiếu bầu cử

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
- Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào;
- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Điều 6. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho tối đa số lượng 07 ứng cử viên trên tổng số ứng cử viên được đề cử.

Điều 7. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Thông qua Quy chế bầu cử;

5956
 .G TY
 PHÂN
 ANG THIẾ
 SINH ĐỒI
 (IPHAR)
 UN-T. B

- + Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử;
- + Tiến hành kiểm phiếu;
- + Công bố Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội cổ đông.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

3. Quy định về việc kiểm phiếu

3.1. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:

- BKP làm việc trong 01 phòng riêng/khu vực riêng;
- BKP có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu cử;
- Kiểm tra lần lượt từng Phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu;

3.2. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:

- Thời gian và địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
- Thành phần Ban kiểm phiếu
- Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
- Số và tỷ lệ phiếu bầu hợp lệ, không hợp lệ,
- Số và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng viên được bầu bổ sung;
- Biên bản phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

- 8.1. Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định pháp luật và Điều lệ.

- 8.2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.
- 8.3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ ưu tiên lựa chọn người làm việc và gắn bó lâu năm với Công ty, không kiêm nhiệm tại các tổ chức khác không thuộc Công ty và công ty con. Trường hợp điều kiện của các ứng viên này là như nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong các số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.
- 8.4. Nếu sau khi bầu lại vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ tiến hành bầu bổ sung ngay tại cuộc họp cho đến khi đủ số thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị đương nhiệm và các cổ đông dự họp khác có thể đề cử thêm ứng viên và việc đề cử này phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 9. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 09 điều và được đọc công khai trước Đại hội cổ đông để biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Quá





PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

I. Cách xác định tổng số phiếu bầu cử HĐQT của mỗi cổ đông (hoặc đại diện cổ đông)

Tổng số phiếu bầu cử = Tổng số phiếu có quyền biểu quyết x Số thành viên HĐQT được bầu

Ví dụ: Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 07 người (trong số 08 người được giới thiệu). Cổ đông X là người nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phiếu. Như vậy, tổng số phiếu bầu cử HĐQT của cổ đông X là:

$$(1.000 \times 7) = 7.000 \text{ phiếu bầu cử}$$

II. Cách thức bỏ phiếu:

Mỗi cổ đông có thể bầu dồn toàn bộ phiếu hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, trong đó số lượng phiếu bầu phân phối cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó. Đối với trường hợp bầu 07 ứng cử viên trong số 08 (hoặc nhiều hơn) ứng cử viên thì mỗi cổ đông/đại diện cổ đông chỉ được phân phối tối đa cho 07 người.

Theo ví dụ trên, khi bầu HĐQT, Cổ đông X có thể thực hiện các cách bỏ phiếu như sau:

1. Dồn hết 7.000 phiếu bầu của mình cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT

TT	DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Nguyễn Văn A	7.000
2	Nguyễn Văn B	
3	Nguyễn Văn C	
4	Nguyễn Văn D	
5	Nguyễn Văn E	
6	Nguyễn Văn F	
7	Nguyễn Văn G	
8	Nguyễn Văn H	
TỔNG CỘNG		7.000

2. Chia đều 7.000 phiếu bầu cho 07 ứng cử viên thành viên HĐQT (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 quyền biểu quyết của cổ đông X).

TT	DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Nguyễn Văn B	1.000
3	Nguyễn Văn C	1.000
4	Nguyễn Văn D	1.000
5	Nguyễn Văn E	1.000
6	Nguyễn Văn F	1.000
7	Nguyễn Văn G	1.000

8	Nguyễn Văn H	
TỔNG CỘNG		7.000

3. Chia nhỏ 7.000 phiếu bầu cho từng ứng cử viên. Cổ đông X có thể sử dụng tất cả 7.000 phiếu bầu để bầu cho 1 hoặc từ 2 đến 07 ứng viên; hoặc sử dụng ít hơn 7.000 phiếu để bầu cho các ứng cử viên, nhưng nếu dùng quá 7.000 phiếu thì phiếu bầu của cổ đông X là không hợp lệ.

TT	DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Nguyễn Văn B	1.200
3	Nguyễn Văn C	800
4	Nguyễn Văn D	600
5	Nguyễn Văn E	1.400
6	Nguyễn Văn F	
7	Nguyễn Văn G	
8	Nguyễn Văn H	2.000
TỔNG CỘNG		7.000

Lưu ý:

- Trong mỗi phiếu bầu chỉ được bầu tối đa là 07 người;
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

III. Phiếu bầu của cổ đông X sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu của Công ty.
- Tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên đó của cổ đông X vượt quá con số 7.000 phiếu bầu;
- Số ứng viên cổ đông X bỏ phiếu vượt quá 7 người;
- Phiếu bầu tự ý ghi thêm người ngoài danh sách đã được Đại hội thông qua hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu khác để viết lại trước khi bỏ phiếu vào hòm phiếu);
- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Định nghĩa	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 12. Quyền của cổ đông	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Đại diện được ủy quyền	11
Điều 17. Thay đổi các quyền	12
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 25. Thành phần, ứng cử, đề cử, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	19
Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	22
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	22
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Ban kiểm toán nội bộ	25

Điều 32. Thư ký làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	26
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	26
IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY	27
Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng	27
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	27
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	29
X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	29
Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	29
XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	30
Điều 40. Công nhân viên và công đoàn	30
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	30
Điều 41. Cổ tức	30
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	31
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	31
Điều 43. Trích lập quỹ	31
Điều 44. Năm tài chính	31
Điều 45. Chế độ kế toán	31
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	31
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	31
Điều 47. Báo cáo thường niên	32
Điều 48. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	32
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	32
Điều 49. Kiểm toán	32
XVI. CON DẤU	33
Điều 50. Con dấu	33
XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	33
Điều 51. Chấm dứt hoạt động	33
Điều 52. Gia hạn hoạt động	33
Điều 53. Thanh lý	33
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	34
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	34
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	34
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	34
XX. NGÀY HIỆU LỰC	34
Điều 56. Ngày hiệu lực	34

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định tổ chức chính thức ngày 20 tháng 04 năm 2019.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định;
 - b. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn, cụ thể bao gồm: Trưởng các bộ phận phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc hoặc các chức danh quản lý tương đương;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Bidiphar;
 - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - j. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

- Tên tiếng Anh: BINH DINH PHARMACEUTICAL AND MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt: BIDIPHAR
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
- Địa chỉ trụ sở chính: 498 Nguyễn Thái Học - Tp. Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
 - Điện thoại: 0256. 3846500 - 3846040 – 3847798 - Fax: 0256. 3846846
 - Email : info@bidiphar.com
 - Website : www.bidiphar.com
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
- Sản xuất dược phẩm, dược liệu;
 - Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế;
 - Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm;
 - Dịch vụ bảo quản thuốc. Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm;
 - Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
 - Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng. Sản xuất muối I ốt;
 - Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng;
 - Mua bán máy móc thiết bị y tế. Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng;
 - Bán buôn hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế;
 - Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát;
 - Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton; In ấn;
 - Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng;

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc;
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm;
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết trùng, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế; Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ; Khai thác và chế biến khoáng sản.
- Khách sạn;
- Nhà hàng;
- Dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng phương pháp thủy liệu pháp, xoa bóp y học;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Trồng cây dược liệu.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để tập hợp nhiều nguồn lực của các bên tham gia góp vốn, sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút và tạo việc làm ổn định cho người lao động tại địa phương, tiết kiệm chi phí nhằm tối đa hóa các nguồn lợi nhuận, tăng cổ tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **523.790.000.000** đồng (Năm trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **52.379.000** cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì điều khoản này sẽ mặc nhiên được sửa đổi theo nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đó.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng nhận cổ phiếu thì chứng nhận cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không vượt quá lãi suất vay cao nhất ngân hàng công ty đang giao dịch) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có);
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp gia hạn theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện được ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp nêu tại khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định Công ty;

- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - d. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin điện tử (website) của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ đủ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại

trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ bầu một ban kiểm phiếu với số lượng theo đề nghị của Chủ tọa.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì một trong các thành viên Hội đồng quản trị điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

3. Đối với việc quyết định các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc ủy quyền tham dự họp chấp thuận:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - d. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại khoản 3 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ; Nghị quyết phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại khoản này.
6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Các tài liệu phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liệt lục đã đăng ký của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Việc lập danh sách cổ đông phải gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này và khoản 2 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu
6. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
7. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản

kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty và công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
 - b. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp;
 - c. Phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần, ứng cử, đề cử, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương và lợi ích khác của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - j. Quyết định việc phát hành trái phiếu, đề xuất các phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước trình Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - k. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
 - l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - n. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - o. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập, giải thể các công ty con của Công ty;
 - c. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác của Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp.
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
 - j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng cho Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của Công ty.

Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một (hoặc một số) Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hằng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu:
- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này

là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi gửi đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT.
2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên HĐQT độc lập được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 31. Ban kiểm toán nội bộ

1. Cơ cấu, thành phần, các tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm toán nội bộ, quyền và nghĩa vụ, các cuộc họp và chi phí hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 32. Thư ký làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Thư ký làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm.
2. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thư ký Công ty là nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- b. Quyết định tất cả các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội

đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng một tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán

khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Trích lập quỹ

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán

theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 48. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu khác phải được công bố ra công chúng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và theo các quy định Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác

liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVI. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định nhất trí sửa đổi và thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Đại diện theo pháp luật của Công ty
Tổng Giám đốc**

Nguyễn Văn Quá

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	3
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 3. Trình tự, thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ	4
Điều 4. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	5
Điều 5. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu	5
Điều 6. Biên bản họp ĐHĐCĐ	6
Điều 7. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản	7
Điều 8. Thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng	8
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	9
Điều 11. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên HĐQT	9
Điều 12. Cách thức bầu thành viên HĐQT	10
Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	10
Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	10
Điều 15. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT	11
Điều 16. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT	11
Điều 17. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của HĐQT	11
Điều 18. Biên bản họp và nghị quyết của HĐQT	12
Điều 19. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	12
Điều 20. Ban kiểm toán nội bộ	12
Điều 21. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty	14
CHƯƠNG IV. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	15
Điều 22. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	15
Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp	15
CHƯƠNG V. QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	17
Điều 24. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban TGD	17
Điều 25. Tổng Giám đốc	17
Điều 27. Các vấn đề TGD báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT	17
Điều 28. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác	18

**CHƯƠNG VI. HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI
THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH
KHÁC** 18

Điều 29. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác 18

Điều 30. Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác 19

Điều 31. Khen thưởng và kỷ luật 19

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 19

Điều 32. Hiệu lực thi hành 19

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty.
2. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có sự mâu thuẫn với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty thì được điều chỉnh bởi những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
4. Quy chế này được áp dụng trong mọi phạm vi và cấp độ quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chữ viết tắt:
 - a. “Công ty” hoặc “BIDIPHAR” là Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định;
 - b. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty;
 - c. “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty;
 - d. “TGD” là Tổng Giám đốc Công ty.
2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
 - b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán;
 - c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - d. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn, cụ thể bao gồm: Trưởng các bộ phận phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc hoặc các chức danh quản lý tương đương;
 - e. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp;

- f. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
 - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Trình tự, thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập họp theo các trường hợp được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường phải được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Người triệu ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:
 - a. Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Đồng thời, báo cáo và nộp tài liệu liên quan ngày đăng ký cuối cùng tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước
 - b. Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 15 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Việc lập danh sách cổ đông dựa trên dữ liệu mà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
4. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ:
 - a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin điện tử (website) của Công ty và của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn (“link”) đến

toàn bộ tài liệu họp, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên (nếu đã xác định được) trong trường hợp bầu thành viên HĐQT; và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

- b. Thông báo họp phải được gửi chậm nhất 10 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi đến hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Điều 4. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự ĐHĐCĐ theo cách thức sau: Gửi giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ (theo mẫu đính kèm trong Thông báo mời họp hoặc lấy trên website Công ty) thông qua các hình thức gửi thư điện tử (email) hoặc fax hoặc gửi qua đường bưu điện trong thời hạn được nêu tại thông báo mời họp.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty (đính kèm theo Thông báo mời họp hoặc lấy trên website của Công ty). Người được ủy quyền dự họp phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công ty trước khi vào tham dự ĐHĐCĐ.
3. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đã có mặt đăng ký hết.
4. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu

1. Cách thức biểu quyết
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
 - b. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa (hoặc người được Chủ tọa chỉ định) thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 - c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

- d. Để tạo thuận lợi cho cổ đông, Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin trong việc biểu quyết. Việc thực hiện sẽ được Công ty hướng dẫn cụ thể khi áp dụng các hình thức này.
2. Cách thức kiểm phiếu: ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp để thực hiện việc kiểm phiếu.
3. Thông báo kết quả kiểm phiếu:
 - a. Ban Kiểm phiếu sẽ tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến và báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Chủ tọa Đại hội để công bố trước khi bế mạc cuộc họp;
 - b. Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký xác nhận của các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 6. Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Chủ tọa cử một hoặc nhiều người là thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ.
2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - h. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
 - b. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp;
 - c. Biên bản họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý

kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 7. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bao gồm các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền lấy ý kiến bằng văn bản (chốt danh sách cổ đông)

Chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, Công ty thực hiện báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đồng thời thực hiện công bố thông tin.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
6. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
8. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
9. Nghị quyết, biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24h kể từ khi thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ. Việc gửi biên bản kiểm phiếu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24h, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 11. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng

Công ty có trách nhiệm thông báo nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.
3. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

Điều 11. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử các ứng viên thành viên HĐQT.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên thành viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế HĐQT đề xuất. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu

được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 12. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ;
6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 15. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT, chuẩn bị chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác thực hiện trách nhiệm này và chịu trách nhiệm về việc ủy quyền đó.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp HĐQT bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp, thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị tổ chức cuộc họp bất thường có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường.
4. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp, thời gian, địa điểm và các tài liệu liên quan phải được thông báo trước cho thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Điều 17. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của HĐQT

1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại các cuộc họp được triệu tập.

Điều 18. Biên bản họp và nghị quyết của HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin nghị quyết của HĐQT theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và quy định của pháp luật.

Điều 19. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT.
2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên HĐQT độc lập được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 20. Ban kiểm toán nội bộ

1. Các tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm toán nội bộ
 - a. Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.
 - b. Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.
 - c. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.

- d. Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.
 - e. **Các tiêu chuẩn khác do Công ty quy định theo từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo từng thời kỳ tùy theo tình hình hoạt động thực tế.**
2. Cơ cấu, thành phần của Ban kiểm toán nội bộ
 - a. BKTNB có từ 03 – 05 thành viên, số lượng cụ thể do HĐQT quyết định.
 - b. Thành phần của BKTNB có tối thiểu 01 người có các bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.
 - c. Các thành viên của BKTNB do HĐQT bổ nhiệm và có thể được bổ nhiệm lại không hạn chế.
 3. Nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ
 - 3.1. Nhiệm vụ
 - a. Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại đơn vị trình cấp quản lý trực tiếp xem xét, phê duyệt.
 - b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt.
 - c. Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
 - d. Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
 - e. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - f. Lập báo cáo kiểm toán.
 - g. Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định.
 - h. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của đơn vị.
 - i. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.
 - j. Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ khi có yêu cầu để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị.
 - k. Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của đơn vị nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.
 - l. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao hoặc theo quy định của pháp luật.
 - 3.2. Trách nhiệm
 - a. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của Công ty.

- b. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
- c. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc đơn vị.
- d. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.

3.3. Quyền hạn

- a. Được trang bị nguồn lực cần thiết, được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo chiến lược và các loại báo cáo khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty.
- b. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- c. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
- d. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của đơn vị.
- e. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
- f. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
- g. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ.
- h. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- i. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.

4. Cuộc họp, chi phí hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

- a. HĐQT ban hành quy định về cuộc họp của BKTNB trong Quy chế kiểm toán nội bộ. BKTNB phải họp tối thiểu mỗi quý một lần và cuộc họp được tiến hành khi có 2/3 số thành viên BKTNB trở lên dự họp và thông qua quyết định khi có đa số thành viên biểu quyết tán thành.
- b. Tiền lương và chi phí hoạt động khác (nếu có) của thành viên BKTNB sẽ do HĐQT quyết định phù hợp với quy định pháp luật về lao động và quy định nội bộ của Công ty.

Điều 21. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT bổ nhiệm 01 Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.

Nhiệm kỳ của Thư ký làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 năm.

2. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT;
 - g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
4. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 22. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Ban điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác
2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Người điều hành doanh nghiệp phải đáp ứng được các tiêu chuẩn cụ thể tương ứng với từng vị trí bổ nhiệm do Công ty quy định, có năng lực thực hiện và sự khẩn cần thiết để điều hành các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp
 - a. HĐQT lựa chọn và bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm và thực hiện báo cáo cho ĐHĐCĐ gần nhất về việc bổ nhiệm này.

- b. HĐQT lựa chọn và bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo đề xuất của Tổng Giám đốc và đánh giá của tiểu ban nhân sự của HĐQT (nếu có).
 - c. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng lao động đối với người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm sẽ được HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. Thông tin về Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
 - d. Tổng Giám đốc quyết định mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với người điều hành khác không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT.
2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều chuyển thành viên Ban điều hành
- a. Cấp nào có thẩm quyền bổ nhiệm thì cấp đó có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm và điều chuyển đối với vị trí đó.
 - b. Người điều hành doanh nghiệp có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;
 - Có đơn xin từ chức bằng văn bản gửi cho HĐQT (hoặc TGD nếu vị trí đó do TGD bổ nhiệm);
 - Hết thời hạn hợp đồng lao động mà Công ty không gia hạn hoặc tái ký kết;
 - Vi phạm kỷ luật lao động ở mức có thể áp dụng hình thức kỷ luật lao động cách chức hoặc sa thải theo quy định của nội quy lao động Công ty và pháp luật lao động;
 - Các trường hợp khác mà HĐQT (hoặc TGD nếu vị trí đó do TGD bổ nhiệm) xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty
 - c. HĐQT (hoặc TGD nếu vị trí đó do TGD bổ nhiệm) có quyền điều chuyển người điều hành doanh nghiệp sang một vị trí công việc khác phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực và sở trường của thành viên đó cũng như tình hình thực tế của Công ty, dù ở cấp tương đương hay cấp thấp hơn, với điều kiện là việc điều chuyển này không trái với quy định của hợp đồng lao động và pháp luật lao động.
3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và điều chuyển thành viên Ban điều hành
- a. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và điều chuyển người điều hành doanh nghiệp sẽ được thông báo cho người đó bằng cách trao trực tiếp quyết định cho người đó và thông báo cho toàn thể cán bộ công nhân viên theo hình thức thích hợp do HĐQT lựa chọn (nếu cần).

- b. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được công bố thông tin theo quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V. QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 24. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban TGD

1. Hội đồng quản trị mời TGD và người điều hành khác tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị. TGD, người điều hành khác được mời có thể tham gia thảo luận trong một số cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch HĐQT sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho TGD và người điều hành khác trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.
2. Tại các phiên họp của Ban TGD, TGD có thể mời một số thành viên HĐQT tham gia cuộc họp của Ban TGD để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. TGD sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 25. Tổng Giám đốc

TGD là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.

Điều 26. Các trường hợp TGD đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
 - a. TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - b. Thành viên độc lập HĐQT;
 - c. Ít nhất 02 thành viên điều hành của HĐQT.
2. Cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.
3. HĐQT phê chuẩn các vấn đề theo quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 27. Các vấn đề TGD báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT

1. TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng kế hoạch tài chính 05 năm theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
3. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan có liên quan khi được yêu cầu.

Điều 28. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác

1. HĐQT giám sát, chỉ đạo TGD và người điều hành khác trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
2. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
3. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, Ban TGD có thể thông tin ngay (bằng gặp trực tiếp, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.
4. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ của công ty trực tiếp qua các cán bộ công nhân viên phụ trách chuyên môn của các phòng ban trong Công ty.
5. TGD phải thường xuyên phối hợp với HĐQT, thông báo với HĐQT kết quả hoạt động của Ban điều hành.
6. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và phát triển Công ty.

CHƯƠNG VI. HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 29. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác thực hiện theo quy định của Công ty và theo một, một vài hoặc tất cả phương thức sau:
 - a. Tự nhận xét đánh giá;
 - b. Đánh giá hoạt động theo định kỳ hàng quý;
 - c. Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào cuối năm;

- d. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
 - e. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT sẽ tiến hành tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
 3. TGD sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do TGD bổ nhiệm.

Điều 30. Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, nội quy Công ty và pháp luật.
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, giữa các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 31. Khen thưởng và kỷ luật

Người có thẩm quyền bổ nhiệm có quyền xem xét khen thưởng, kỷ luật người được bổ nhiệm theo thủ tục do pháp luật về lao động, Điều lệ, Nội quy lao động, Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động với người điều hành đó.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế mâu thuẫn với quy định của Điều lệ Công ty, quy định pháp luật thì quy định của Điều lệ Công ty, quy định pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.
2. Quy chế này có hiệu lực ngày được ĐHĐCĐ thông qua, được công bố trên website của Công ty. Quy chế này thay thế cho Quy chế quản trị Công ty đã ban hành trước đây (nếu có).
3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ Quy chế này do HĐQT xem xét xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Quá

